

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

15/11

ĐT 1.109

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (12 -)/DA22KDA

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15/11/2023

Phòng thi: ĐT 1.109

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	D.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112122001	Trần Quang	Khỏe	10/10/2004	Nam	9.0	5.0	7.0	001	<u>Trần Quang</u>	
2	112122003	Nguyễn Viết	Lâm	06/02/2004	Nam	6.0	3.3	4.7	002	<u>Nguyễn Viết Lâm</u>	
3	112122004	Chau Thanh	Liêm	28/01/2004	Nam	8.3	2.8	5.6	003	<u>Chau Thanh Liêm</u>	
4	112122007	Thạch Bình	Sơn	08/08/2004	Nam	8.3	3.8	6.1	004	<u>Thạch Bình Sơn</u>	
5	112122008	Huỳnh Phát	Tài	13/08/2004	Nam						
6	112122011	Hà Hữu	Văn	13/04/2004	Nam	8.5	2.3	5.4	006	<u>Hà Hữu Văn</u>	
7	112122012	Nguyễn Phước	An	18/12/2004	Nam	2.5	/	/	/	/	
8	112122013	Trịnh Hoàng	Ân	10/01/2004	Nam						
9	112122015	Mai Anh	Bằng	20/12/2004	Nam	8.0	3.5	5.8	009	<u>Mai Anh Bằng</u>	
10	112122016	Võ	Bằng	29/11/2004	Nam	8.0	3.3	5.7	010	<u>Võ Bằng</u>	
11	112122020	Phan Văn	Bảo	12/02/2003	Nam	/	/	/	/	/	
12	112122022	Trần Quốc	Bảo	17/10/2004	Nam	/	/	/	/	/	
13	112122023	Sơn Thị Li	Ca	14/02/2004	Nữ	9.0	5.3	7.2	013	<u>Sơn Thị Li Ca</u>	
14	112122024	Lê Minh	Cần	14/01/2004	Nam	/	/	/	/	/	
15	112122025	Hồ Minh	Cánh	25/08/2004	Nam	9.5	4.0	6.8	015	<u>Hồ Minh Cánh</u>	
16	112122026	Lương Công	Cửa	19/04/2004	Nam	8.3	3.8	6.1	016	<u>Lương Công Cửa</u>	
17	112122028	Huỳnh Văn Châu	Đan	19/06/2004	Nam	8.3	/	/	/	/	✓
18	112122029	Nguyễn Hữu	Đặng	04/11/2004	Nam	6.8	2.8	4.8	018	<u>Nguyễn Hữu Đặng</u>	
19	112122032	Trương Hữu	Đầy	10/11/2003	Nam	7.3	3.5	5.4	019	<u>Trương Hữu Đầy</u>	
20	112122034	Lý Vũ	Đồng	23/06/2004	Nam	8.0	/	/	/	/	✓

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 12

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 12

Tổng số tờ: 12

Cán bộ coi thi 1:

Nguyễn Văn Hồng Sang

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%, Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 17 tháng 11 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Sen

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

15/11

ĐH 1.110

Hình thức đánh giá: Tiêu nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
15 / 11 / 2023

Phòng thi: ĐH 1.110

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (12 -)/DA22KDA

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112122035	Lê Phước	21/06/2004	Nam	9.0	4,8	6.9	003	<u>Phước</u>		
2	112122036	Bùi Quốc	13/11/2003	Nam	8.0	3,5	5.8	004	<u>Quốc</u>		
3	112122038	Nguyễn Hoàng	18/01/2004	Nam							Cam' lui
4	112122039	Trần Đức	20/12/2004	Nam	7.3	2,8	5.1	006	<u>Đức</u>		
5	112122040	Nguyễn Văn Tuấn	11/02/2004	Nam	6.3	3,5	4.9	020	<u>Tuấn</u>		
6	112122041	Lưu Hoàng	12/12/2004	Nam	9.0	4,5	6.8	007	<u>Hoàng</u>		
7	112122046	Nguyễn Ngọc	30/11/2004	Nam	8.8	4,0	6.4	008	<u>Ngọc</u>		
8	112122049	Dương Tấn	07/11/2003	Nam							Cam' lui
9	112122050	Nguyễn Minh	28/04/2004	Nam	8.5	4,8	6.7	010	<u>Minh</u>		
10	112122068	Mai Hoàng	11/01/2003	Nam							Cam' lui
11	112122152	Nguyễn Ngọc	03/12/2004	Nữ	8.5	5,8	7.2	015	<u>Ngọc</u>		
12	112122153	Trần Minh	17/10/2004	Nam	9.0	2,8	5.9	016	<u>Minh</u>		
13	112122154	Phan Công	13/04/2004	Nam							Cam' lui
14	112122155	Nguyễn Bảo	03/01/2004	Nam	9.5	3,5	6.5	018	<u>Bảo</u>		
15	112122156	Lý Văn	24/04/2003	Nam	8.0	3,3	5.7	019	<u>Văn</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 15

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 11

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 11

Tổng số tờ: 11

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 17 tháng 11 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Sen

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

15/11

D71.111

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (12 -)/DA22KDC

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: T.Đ.Đ. Nguyễn

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15/11/2023

Phòng thi: D71.111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	D.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112122065	Bùi Chí Khanh	20/05/2004	Nam	5.0	2,8	5.9	001	<u>Kek</u>		
2	112122105	Nguyễn Trọng Phúc	12/07/2004	Nam	8.5	2,8	5.8	002	<u>Xu</u>		
3	112122106	Trương Hữu Phước	20/07/2004	Nam							<u>uay</u>
4	112122107	Đoàn Phú Quý	29/05/2004	Nam	9.0	4,3	6.8	004	<u>ee</u>		
5	112122108	Nguyễn Hữu Quốc	05/05/2004	Nam							<u>uay</u>
6	112122109	Bùi Gia Quynh	17/10/2004	Nam	5.3	3,0	4.2	006	<u>Quynh</u>		
7	112122112	Lâm Nhật Tân	02/12/2004	Nam	8.5	4,0	6.3	007	<u>Tan</u>		
8	112122113	Nguyễn Minh Tân	22/04/2004	Nam	8.3	4,3	6.3	008	<u>Tan</u>		
9	112122114	Nguyễn Nhật Tân	07/01/2004	Nam	7.5	2,8	5.2	009	<u>Antan</u>		
10	112122118	Võ Nhật Thái	06/11/2004	Nam	6.0	3,8	4.9	010	<u>Th</u>		<u>uay</u>
11	112122122	Huỳnh Quốc Thịnh	14/02/2004	Nam							
12	112122125	Trần Văn Thịnh	08/09/2004	Nam	9.3	4,5	6.9	012	<u>Th</u>		
13	112122126	Hà Văn Thuận	17/12/2004	Nam	8.8	4,0	6.4	013	<u>Th</u>		
14	112122127	Trần Tiến Thuận	29/10/2002	Nam	7.8	4,3	6.1	014	<u>Th</u>		
15	112122130	Phan Văn Tính	31/10/2003	Nam	8.5	3,5	6.0	015	<u>Ph</u>		<u>uay</u>
16	112122131	Sơn Văn Tính	22/01/2004	Nam	4.0						
17	112122132	Nguyễn Văn Tỉnh	28/04/2004	Nam	7.0	3,5	5.3	017	<u>20013</u>		
18	112122133	Trần Thiện Toàn	10/02/2004	Nam	8.3	4,0	6.2	018	<u>20013</u>		
19	112122135	Mai Hoàng Trãi	24/04/2004	Nam	7.8	2,8	5.3	019	<u>20013</u>		
20	112122137	Hồ Minh Trí	06/01/2004	Nam	7.5	5,3	6.4	020	<u>Th</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 16....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 16....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1: Huyet Vinh Nghiep

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 17 tháng 11 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Trần Chí Sơn

Cán bộ kiểm tra: Th

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

15/11

DJ 1.112

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (12 -)/DA22KDC

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15 / 11 / 2023

Phòng thi: DJ 1.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112122138	Trần Hoàng Trí	15/03/2004	Nam	8.0	4.3	6.2	005	<u>Trần Hoàng Trí</u>		
2	112122139	Trần Huỳnh Nhật Trí	23/07/2004	Nam	8.0	4.0	6.0	006	<u>Trần Huỳnh Nhật Trí</u>		
3	112122140	Mai Minh Triền	23/11/2004	Nam	8.8	3.8	5.8	007	<u>Mai Minh Triền</u>		
4	112122141	Trần Thành Triệu	17/10/2004	Nam	8.8	3.3	6.1	008	<u>Trần Thành Triệu</u>		
5	112122142	Thạch Nhật Trung	16/06/2004	Nam	5.8	3.5	4.7	009	<u>Thạch Nhật Trung</u>		
6	112122144	Mai Quốc Trường	07/12/2004	Nam	9.0	4.0	6.5	010	<u>Mai Quốc Trường</u>		
7	112122145	Kiều Minh Truyền	21/12/2004	Nam	8.3	2.8	5.6	011	<u>Kiều Minh Truyền</u>		
8	112122148	Đỗ Lâm Anh Văn	16/07/2004	Nam	8.3	3.3	5.8	012	<u>Đỗ Lâm Anh Văn</u>		
9	112122149	Dương Thế Vinh	08/02/2004	Nam	7.3	2.0	4.7	013	<u>Dương Thế Vinh</u>		
10	112122151	Lê Thanh Ý	11/04/2004	Nam	8.0	2.3	5.2	014	<u>Lê Thanh Ý</u>		
11	112122162	Kim Siên	20/12/2003	Nam	7.5	3.8	5.7	016	<u>Kim Siên</u>		
12	112122163	Nguyễn Hữu Thanh	31/03/2004	Nam							
13	112122164	Võ Nhật Thanh	14/09/2004	Nam	7.0	4.3	3.5	018	<u>Võ Nhật Thanh</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 13

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 12

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 12

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nhà Võ Ngọc Giàu

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 18 tháng 11 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Ái Mỹ

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (12 -)/DA22KDB

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15 / 11 / 2023

Phòng thi: D71 112.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112122056	Trần Tấn Huy	28/09/2004	Nam	<u>7.5</u>	<u>2.8</u>	<u>5.2</u>	<u>004</u>	<u>Huy</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01.....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1: Thầy Võ Ngọc Triêm

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 17 tháng 11 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Thầy Trần Chí Sơn

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (12 -)/DA22NNAA

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: Thực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
15 / 11 / 2023

Phòng thi: 071110

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110422009	Dương Ngọc	Lâm	17/12/2004	Nam	10.0	9,5	9.8	012	<u>Đ</u>		
2	110422017	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	23/02/2004	Nữ	10.0	8,0	9.0	013	<u>Ng</u>		
3	110422031	Trương Ngô Trúc	Uyên	06/09/2004	Nữ	9.0	6,8	7.9	014	<u>Tr</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 03

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 03

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 03

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Đ Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 18 tháng 11 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Đ Nguyễn Thị Sen

Cán bộ kiểm tra: Đ

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

15111

ĐH. 114

FN

Hình thức đánh giá:.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
15/11/2023

Phòng thi:.....

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (12 -)/DA22NNAD

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110422103	Nguyễn Lâm Minh	04/12/2004	Nữ	9.3	5.0	7.2	001	Mg		
2	110422115	Nguyễn Thị Mai	15/10/2004	Nữ	8.8	5.0	6.9	002	Mai		
3	110422124	Dương Thị Như	08/08/2004	Nữ	8.8	5.3	7.1	003	ay		

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Nguyễn Thị Ái Mỹ

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 17 tháng 11 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:.....

Nguyễn Thị Ái Mỹ

Cán bộ kiểm tra:.....

Nguyễn Thị Ái Mỹ

Nguyễn Thị Ái Mỹ

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (12 -)/DA22QLNN

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15 / 11 / 2023

Phòng thi: ĐH. 11A

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	D.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	117422012	Trần Hữu Tín	01/01/1999	Nam	10.0	5.0	7.5	004	<u>Trần</u>		
2	117422018	Dương Thị Thanh Thuyền	14/10/2004	Nữ	9.5	4.8	7.2	005	<u>Thuyền</u>		
3	117422020	Nguyễn Như Ý	22/02/2003	Nữ	10.0	5.5	7.8	006	<u>Nguyễn</u>		
4	117422021	Lâm Nữ Như Ý	03/03/2003	Nữ	9.3	4.3	6.8	007	<u>Lâm</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 04

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 04

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Ái Mỹ

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 17 tháng 11 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Ái Mỹ

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Ái Mỹ

Nguyễn Thị Ái Mỹ

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (12 -)/DA22TTD

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: TR

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
15/11/2023

Phòng thi: D71 M4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110122055	Trần Minh Đức	03/01/2004	Nam	8.0	2.8	5.4	020			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 18 tháng 11 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (12 -)/DA22TTC

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15 / 11 / 2023

Phòng thi: DH.Md

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	110122212	Nguyễn Hoàng Yên	24/04/2004	Nữ	<u>8.3</u>	<u>4.8</u>	<u>6.6</u>	<u>013</u>	<u>full</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nal Võ Ngọc Giàu

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 11 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Giàu Võ Ngọc Giàu

Cán bộ kiểm tra: full

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (12 -)/DA22TTB

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15/11/2023

Phòng thi: B7.1.141

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110122124	Võ Bảo Ngọc	17/10/2004	Nam	8.0	4.5	6.3	018	<u>Yêu</u>		
2	110122147	Trương Thị Mỹ Phương	06/03/2004	Nữ	8.0	4.0	6.0	019	<u>Phu</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Duy Anh

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 17 tháng 11 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Sen

Cán bộ kiểm tra: Thanh

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (12 -)/DA22RHM

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15/11/2023

Phòng thi: D7H 114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116422026	Nguyễn Thị Hồng Nhung	03/07/2004	Nữ	10.0	7.5	8.8	008	Nhung		
2	116422030	Phan Hoàng Phúc	13/04/2004	Nam	9.5	7.0	8.3	009	Phan		
3	116422044	Huỳnh Thị Ngọc Trà	09/09/2004	Nữ	9.8	7.8	8.8	010	Trà		
4	116422050	Trần Thị Bích Vân	28/09/2004	Nữ	9.8	7.8	8.8	011	Bichlan		
5	116422055	Thạch Thị Thia Ry	19/10/2003	Nữ	9.8	8.0	8.9	012	Ry		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 05

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 05

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1:

Nguyễn Đình Tuấn

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 18 tháng 11 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:

Nguyễn Thị Sen

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

15/11

ĐT 1.11.3

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (12 -)/DA22DB

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15 / 11 / 2023

Phòng thi: ĐT 1.11.3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115622065	Trương Thị Ý	Nhi	10/11/2004	Nữ	9.8	7.0	8.4	001	<u>ph</u>	
2	115622067	Đoàn Mỹ	Nhiên	21/02/2004	Nữ	9.8	7.0	8.4	002	<u>ph</u>	
3	115622072	Nguyễn Thị Kiều	Phương	02/04/2004	Nữ	9.5	7.8	8.7	003	<u>ph</u>	
4	115622081	Trần Thị Ngọc	Thanh	22/07/2004	Nữ	10.0	6.8	8.4	004	<u>Thanh</u>	
5	115622109	Sơn Thị Huyền	Trang	25/05/2004	Nữ	8.8	7.5	8.2	005	<u>trang</u>	
6	115622113	Ông Thị Cẩm	Tú	21/03/2004	Nữ	9.8	9.0	9.4	006	<u>ph</u>	
7	115622115	Sơn Thị Na	Uy	21/06/2004	Nữ	9.5	7.0	8.3	007	<u>ph</u>	
8	115622127	Cao Mỹ	Ý	20/08/2003	Nữ	9.8	7.5	8.7	008	<u>ph</u>	
9	115622128	Nguyễn Ngọc	Yến	25/09/2002	Nữ	9.8	7.0	8.4	009	<u>ph</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 9

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 9

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 1

Tổng số tờ: 9

Cán bộ coi thi 1: ph Nguyễn Thị Ngân Hà

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 11 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: ph Trần Thị Sen

Cán bộ kiểm tra: ph

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (12 -)/DA22SNV

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15/11/2023

Phòng thi: B71 114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	113722002	Võ Văn Đạt	19/09/2004	Nam	10.0	5.3	8.7	013	<u>Mai</u>		
2	113722008	Đặng Xuân Mai	20/08/2004	Nữ	9.0	8.3	8.8	014	<u>Mai</u>		
3	113722012	Thạch Thị Thu Hà	17/11/2004	Nữ	8.5	5.8	7.2	015	<u>Thạch</u>		
4	113722013	Thạch Thị Thúy Hoa	17/02/2004	Nữ	9.3	6.3	7.8	016	<u>Hoa</u>		
5	113722017	Nguyễn Trương Phương Trúc	17/10/2004	Nữ	8.8	5.8	7.3	017	<u>Trúc</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 05

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 05

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Duy Anh

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 18 tháng 11 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Ái Mỹ

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (12 -)/DA21TCNHA

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15 / 11 / 2023

Phòng thi: DT1 112

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114521021	Phan Hoài	Nam	05/02/2003	Nam	6.5	4.0	5.2	001			
2	114521063	Nguyễn Thị Tường	Vi	10/09/2003	Nữ	6.0	4.0	5.0	002			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ:

Trà Vinh, Ngày 17 tháng 11 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Nhà Võ Ngọc Giàu

Cán bộ ghi điểm: Trần Thị Ser

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nhà

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (12 -)/DA22QLDL(CO-OP)QT

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15 / 11 / 2023

Phòng thi: D71 112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114622041	Nguyễn Thị Hà My	05/07/2004	Nữ	<u>9.8</u>	<u>5.5</u>	<u>8.8</u>	<u>003</u>	<u>my.</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nhà Võ Ngọc Kiên

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 18 tháng 11 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Trần Chí Sơn

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: la

Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (12 -)/DA22QLTN

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15 / 11 / 2023Phòng thi: D71 113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	D.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	119122001	Nguyễn Thị Kim Anh	07/10/2004	Nữ	9.0	7.5	8.5	010	<i>Anh</i>		
2	119122004	Ngô Thị Mỹ Hào	29/12/2004	Nữ	9.3	7.3	8.3	011	<i>Hào</i>		
3	119122006	Trương Bội Ngọc	11/11/2004	Nữ	10.0	7.3	8.8	012	<i>Ngọc</i>		
4	119122007	Nguyễn Thành Phát	30/08/2004	Nam	8.8	3.0	5.9	013	<i>Phát</i>		
5	119122008	Nguyễn Anh Quốc	28/10/2004	Nam	9.0	3.8	6.4	014	<i>Quốc</i>		
6	119122009	Lê Thanh Thiện	01/03/2004	Nam	9.5	4.0	6.8	015	<i>Thiện</i>		
7	119122010	Nguyễn Thị Thu Trâm	24/09/2004	Nữ	9.8	5.3	7.6	016	<i>Thu</i>		
8	119122011	Huỳnh Thị Hồng Xuyên	31/12/2004	Nữ	9.5	5.3	7.4	017	<i>Xuyên</i>		
9	119122012	Nguyễn Ngọc Mỹ Duyên	07/03/2004	Nữ	10.0	5.8	7.9	018	<i>Duyên</i>		
10	119122013	Trần Khánh Duy	13/09/2004	Nam	9.3	5.0	7.2	019	<i>Duy</i>		
11	119122014	Trần Dương	16/01/2004	Nam	7.8	7.5	7.7	020	<i>Dương</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 11Tổng số sv, hs dự đánh giá: 11

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:

Tổng số tờ: 11Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Ngân Hà

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 15 tháng 11 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Ngân HàCán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (12 -)/DA22QLDL(CO-OP)

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: Thực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
.....15...../.....11...../.....2023

Phòng thi: D71110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114622005	Trương Tấn Minh	25/08/2004	Nam	8.0	4.0	6.0	001	<u>Trương Tấn Minh</u>		
2	114622051	Trần Thị Ánh Nguyệt	22/09/2004	Nữ	9.8	4.5	7.2	002	<u>Trần Thị Ánh Nguyệt</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Ngọc Minh Thư
Nguyễn Thành Thanh

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 18 tháng 11 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Sen

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành